TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÚI THÀNH** **TỈNH QUANG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/HSST.
Ngày: 27/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà **Nguyễn Thị Xuân Thùy.**

Các Hội thẩm nhân dân :

Bà **Phan Thị Thanh Dung**.

Bà **Nguyễn Thị Kim Cúc**.

- Thư ký phiên tòa : Bà **Lê Huỳnh Lan Vi** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Hương –** Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số : 83/2022/TL-HSST ngày 11 tháng 11 năm 2022 ; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ tên: **Phùng Văn T**, sinh ngày: 08/10/1992. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Nơi ở hiện nay: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 09/12.

Nghề nghiệp: Không.

Họ và tên cha: Phùng Văn T, sinh năm: 1966. Họ và tên mẹ: Trần Thị Ấ, sinh năm: 1968.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 29/6/2022, bị UBND xã Tam Hiệp xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản. Đã chấp hành nộp phạt xong ngày 11/7/2022.

Nhân thân:

- Ngày 02/02/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Núi Thành tuyên phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 11A/2016/HSST, chấp hành án phạt tù xong ngày 27/10/2016, đã chấp hành xong nghĩ vụ dân sự vào ngày 28/3/2016, 15/8/2016.

- Ngày 29/12/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Núi Thành tuyên phạt 15 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 62/2017/HSST, chấp hành

án phạt tù xong vào ngày 04/01/2019, chấp hành án phí HSST vào ngày 14/3/2018.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 16/9/2022, hiện có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại**: Bà **Trần Thị L**, sinh năm: 1990, địa chỉ: Thôn Thọ Kh, xã Tam H, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà **Võ Thị Nhật V**, sinh năm: 1999, địa chỉ: Khối phố 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Ông **Trần Ngọc Đ**, sinh năm: 1996, địa chỉ: Thôn Trà T, xã Tam Mỹ Đ, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23h30 phút ngày 15/9/2022, Phùng Văn T thấy nhà ở của bà Trần Thị L đang ngủ nên T nảy sinh ý định đột nhập trộm cắp tài sản. Lợi dụng đêm khuya vắng người, Tình leo trèo qua cổng tường rào đi vào cửa chính, thấy cửa có khe hở nên dùng tay thò vào kéo chốt cửa rồi đột nhập vào bên trong nhà tìm kiếm tài sản trộm cắp. T thấy hai chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max bà L mua vào ngày 14/9/2022 với giá 9.600.000 đồng và Iphone 11 Promax bà L mua vào ngày 20/02/2022 với giá 16.800.000 đồng đang sạc pin ở bàn học trong nhà, T lấy hai điện thoại mang về nhà. T mở khóa được chiếc điện thoại Iphone XS Max. Sáng ngày 16/9/2022, T mang chiếc điện thoại Iphone XS Max đến dịch vụ cầm đồ Khánh Ly do bà Võ Thị Nhật V làm chủ, gặp Trần Ngọc Đ là nhân viên tiệm cầm đồ cầm cố với số tiền 4.000.000 đồng với thỏa thuận 10 ngày sau nhận lại. Điện thoại còn lại do không mở khóa được T đã vứt bỏ không truy tìm được. Số tiền cầm cố điện thoại tình tiêu xài cá nhân, còn lại 1.100.000 đồng T đã nộp cho Cơ quan điều tra trong quá trình điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 42/2022-KLGTS ngày 21/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Núi Thành kết luận: giá trị điện thoại nhãn hiệu Iphone XS Max màu trắng đã qua sử dụng là 9.000.000 đồng; Giá trị điện thoại di động Iphone 11 promax đã qua sử dụng là 15.680.000 đồng.

Tại cáo trạng số 74/CT-VKS-NT ngày 09/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành truy tố bị cáo Phùng Văn T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phùng Văn T về tội "*Trộm cắp tài sản*", đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015, đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo T từ 12 đến 15 tháng tù.

Về dân sự: Đại diện gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bà Trần Thị L và bà Võ Thị Nhật V thay cho Phùng Văn T, bà L và bà V có đơn xin bãi nại, không có yêu cầu gì khác.

Về vật chứng: Vật chứng tạm giữ gồm 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu trắng đã trả lại cho bị hại; số tiền 1.100.000 đồng đã trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị Nhật V; hợp đồng cầm cố 15611 để nghị tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa và lời nói sau cùng, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Núi Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, kết quả định giá tài sản và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên toà, có đủ căn cứ xác định, khoảng 23 giờ 30 phút ngày 15/9/2022, tại thôn Thọ K, xã Tam H, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, bị cáo Phùng Văn T có hành vi lén lút chiếm đoạt hai chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max và Iphone 11 Promax của bà L đang sạc pin ở bàn học trong nhà, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 24.680.000 đồng. Hành vi của bị cáo T đầy đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của vụ án: Hành vi của bị cáo T đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự trị an, an toàn xã hội, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo T là người thành niên, đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức rõ hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích để có tiền tiêu xài cá nhân mà cố ý thực hiện tội phạm. Vì vậy cần phải đưa ra mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Xét nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Bị cáo T có nhân thân từng bị kết án hai lần về tội "*Trộm cắp tài sản*", đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng không lấy đó làm bài học, cải tạo bản thân thành công dân tốt, có ích cho xã hội mà tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Tháng 6/2022, bị cáo có hành vi trộm cắp tài sản đã bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa xóa tiền sự thì lại tiếp tục có hành vi phạm tội, do vậy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã

hội một thời gian nhất định để đảm bảo tính răn đe cải tạo đối với bị cáo, cũng như phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, sau khi phạm tội, bị cáo đã đầu thú; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Do vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ khi quyết định hình phạt cho bị cáo là phù hợp với tính nhân đạo của pháp luật. Mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo Phùng Văn T hiện không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và phần dân sự: Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Núi Thành đã trả lại cho chủ sở hữu Trần Thị L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu trắng, số Imei 353111102996400; trả cho bà V số tiền bị cáo T giao nộp là 1.100.000 đồng là phù hợp. Gia đình bị cáo cũng đã bồi thường thiệt hại còn lại cho bị hại L và bà V, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác về dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết. Đối với 01 hợp đồng cầm đồ số 15611 cần tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Các vấn đề khác có liên quan: Đối với hành vi cầm cố 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu trắng, số Imei 353111102996400 của Võ Thị Nhật V và Trần Ngọc Đ nhưng V và Đ không biết điện thoại T mang đến cầm cố là tài sản trộm cắp nên không đề cập xử lý là phù hợp với quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo **Phùng Văn T** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt bị cáo: **Phùng Văn T 12** (*Mười hai*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 16/9/2022.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự: Lưu hồ sơ vụ án 01 hợp đồng cầm đồ số 15611.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng);*

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Núi Thành;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục THA huyện Núi Thành;
- Công an huyện Núi Thành;
- THAHS CA huyện Núi Thành;
- Lưu hồ sơ, lưu bộ phận HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Thùy